



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ  
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh trân trọng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2015 như sau:

Thông tin chi tiết như sau:

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 33



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29 tháng 01 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Công ty có 1 Công ty con, 1 Công ty liên kết và 3 đơn vị trực thuộc:

- **Công ty con:** Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông
- **Công ty liên kết:** Công ty Cổ phần Sách và TBTH Tây Ninh
- **Các đơn vị trực thuộc:**
  - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xi nghiệp đồ dùng dạy học;
  - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3- Bình Dương);
  - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

**Vốn điều lệ:** 56.655.300.000 đồng.

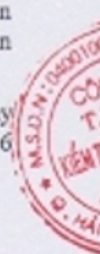
**Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2015:** 56.655.300.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.8554 645 - 08.8553 118
- Fax: (84) 08.8564 307
- Website: [www.stb.com.vn](http://www.stb.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

### *Nhân sự*

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 298 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 24 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### *Hội đồng quản trị*

• Ông Từ Văn Sơn	Chủ tịch	Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015
• Ông Trần Văn Hưng	Thành viên	Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015
• Ông Đỗ Thành Lâm	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015
• Ông Trần Lê Quang	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015
• Bà Lê Thị Phương Hảo	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015
• Ông Lê Kế Đức	Thành viên	Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 Miễn nhiệm ngày 07/06/2015
• Ông Xà Triệu Hoàng	Thành viên	Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 Miễn nhiệm ngày 07/06/2015
• Ông Ngô Trần Vinh	Thành viên	Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012 Miễn nhiệm ngày 07/06/2015

### *Ban Kiểm soát*

• Bà Lê Phương Mai	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015
• Ông Trần Lê Quang	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 24/03/2012 Miễn nhiệm ngày 07/06/2015
• Ông Vũ Văn Hà	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- |                      |            |                              |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Nhó  | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Bà Phạm Nhật Quyên | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
|                      |            | Miễn nhiệm ngày 07/06/2015   |

### *Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng*

- |                          |                   |                              |
|--------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Trần Văn Hưng      | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Ông Phan Xuân Hiến     | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Ông Từ Trung Đạn       | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Ông Lê Kế Đức          | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2015 |
|                          |                   | Miễn nhiệm ngày 07/06/2015   |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dnng.vnn.vn](mailto:aac@dnng.vnn.vn)).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện

  
Ban Tổng Giám đốc  
Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2015





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
**THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL**

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hòa Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3652887  
Email: aao@dong.vn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đơn)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 856/2015/BCSX-AAC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, được lập ngày 17/08/2015 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 33. Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



**Lâm Quang Tú - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1  
Đà Nẵng, ngày 17 tháng 8 năm 2015

**Phan Thị Lan Trang - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1936-2013-010-1

11/27/15  
13/1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>115.402.436.711</b>	<b>94.523.175.605</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.724.897.672</b>	<b>30.198.679.853</b>
1. Tiền	111		1.618.716.606	1.849.900.800
2. Các khoản tương đương tiền	112		106.181.066	28.348.779.053
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>64.832.102.266</b>	<b>30.728.523.697</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	48.713.344.299	29.304.600.996
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.873.700.574	1.072.801.201
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8a	13.409.000.000	550.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	971.546.755	89.237.531
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(135.489.362)	(288.116.031)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>47.984.705.358</b>	<b>33.452.899.605</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	48.065.108.191	33.509.751.727
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(80.402.833)	(56.852.122)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>860.731.415</b>	<b>143.072.450</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	153.939.655	143.072.450
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		515.811.412	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	190.980.348	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>43.852.781.753</b>	<b>42.255.528.791</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>28.000.000</b>	<b>52.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8b	28.000.000	52.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.686.336.759</b>	<b>25.598.854.148</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	25.686.336.759	25.598.854.148
- Nguyên giá	222		38.388.789.455	39.261.303.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.702.452.696)	(13.662.449.475)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.014.314.410</b>	<b>1.030.836.364</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	3.014.314.410	1.030.836.364
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>5.445.000.000</b>	<b>5.445.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.760.000.000	2.760.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.195.000.000	2.195.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		490.000.000	490.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.679.130.584</b>	<b>10.128.838.279</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	9.679.130.584	10.128.838.279
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>159.255.218.464</b>	<b>136.778.704.396</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>61.334.727.370</b>	<b>45.117.969.108</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>61.049.127.370</b>	<b>45.117.969.108</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	20.629.633.528	12.590.852.615
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		208.898.315	237.165.032
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	479.113.429	325.097.430
4. Phải trả người lao động	314		3.057.991.408	6.324.512.743
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	127.185.635	616.222.833
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	390.756.292	4.965.379.865
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20a	35.138.400.000	14.367.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.017.148.763	5.691.738.590
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>285.600.000</b>	<b>-</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20b	285.600.000	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>97.920.491.094</b>	<b>91.660.735.288</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>97.920.491.094</b>	<b>91.660.735.288</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	4.321.329.908	4.321.329.908
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	17.132.180.578	16.408.409.578
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	6.049.984.384	513.999.578
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		513.999.578	442.970.765
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.535.984.806	71.028.813
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>159.255.218.464</b>	<b>136.778.704.396</b>



Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	6 tháng đầu	6 tháng đầu
	số	minh	năm 2015	năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	121.381.437.692	106.470.672.640
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	666.215.161	442.076.298
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		120.715.222.531	106.028.596.342
4. Giá vốn hàng bán	11	25	97.309.921.097	87.336.043.236
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>23.405.301.434</u>	<u>18.692.553.106</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	953.074.914	1.266.991.942
7. Chi phí tài chính	22	27	1.764.291.220	2.407.511.525
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.259.656.618</i>	<i>1.110.016.713</i>
8. Chi phí bán hàng	25	28a	10.567.791.534	9.320.608.838
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28b	6.867.081.423	7.056.731.747
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>5.159.212.171</u>	<u>1.174.692.938</u>
11. Thu nhập khác	31	29	1.301.539.291	5.365.478.551
12. Chi phí khác	32	30	83.721.088	194.199.196
13. Lợi nhuận khác	40		<u>1.217.818.203</u>	<u>5.171.279.355</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>6.377.030.374</u>	<u>6.345.972.293</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	841.045.568	1.203.538.915
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>5.535.984.806</u>	<u>5.142.433.378</u>



Trần Văn Hưng  
11. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

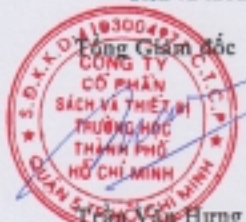
Võ Thị Ngọc Hoanh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.377.030.374	6.345.972.293
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.151.267.934	847.636.630
- Các khoản dự phòng	03	(129.075.958)	585.915.954
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	89.488	(130.567)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.567.679.893)	(6.359.423.331)
- Chi phí lãi vay	06	1.259.656.618	1.110.016.713
3. Lợi nhuận từ hệ kế trước thay đổi vốn lưu động	08	7.091.288.563	2.529.987.692
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(21.387.575.222)	(3.940.222.675)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(14.555.356.464)	(16.198.101.797)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.604.566.734	6.898.129.228
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	438.840.490	(880.916.199)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.241.156.960)	(1.096.517.813)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(438.793.180)	(1.741.208.888)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	47.250.000	27.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.721.839.827)	(1.475.300.556)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(31.162.775.866)</b>	<b>(15.877.151.008)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(3.341.432.400)	(1.028.973.972)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	621.560.002	(49.458.849)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.000.000.000)	-
4. Tiền thu bởi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	165.000.000	106.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.092.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	663.246.171	1.124.746.605
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(14.891.626.227)</b>	<b>(1.939.686.216)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	50.357.000.000	32.289.091.290
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(29.300.000.000)	(20.140.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.476.290.600)	(8.074.635.375)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>17.580.709.400</b>	<b>4.074.455.915</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(28.473.692.693)</b>	<b>(13.742.381.309)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>30.198.679.853</b>	<b>26.009.942.274</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(89.488)	130.567
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.724.897.672</b>	<b>12.267.691.532</b>



Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoành

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2015

Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 8

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29 tháng 01 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN - ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất và thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gõ, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

#### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 1 Công ty con, 1 Công ty liên kết và 3 đơn vị trực thuộc:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông
- Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Sách và TBTH Tây Ninh
- Các đơn vị trực thuộc:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xi nghiệp đồ dùng dạy học;
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3- Bình Dương);
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân ảnh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

**Đầu tư vào công ty con; công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Công ty con là một công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên kết, công ty liên doanh và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật

### Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

#### 4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

### 4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc

MS. W. A. Q. B. M.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty là:

Chi phí lãi vay phải trả được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay;

Khoản chiết khấu thanh toán và hoa hồng môi giới được xác định theo thỏa thuận hợp đồng, số tiền thanh toán, thời gian thanh toán hoặc doanh thu đã phát sinh.

### 4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### 4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế

### 4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

11/01/2015



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

### 4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp

### 4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

### 4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.18 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

07  
3T  
H.  
V.  
A  
10



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
  - Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập của doanh nghiệp có được trong lĩnh vực xã hội hóa (Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học). Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 243/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.
  - Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% đối với các hoạt động khác.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015	31/12/2014
Tiền mặt	852.969.205	164.024.948
Tiền gửi ngân hàng	765.747.401	1.685.875.852
Các khoản tương đương tiền	106.181.066	28.348.779.053
<b>Cộng</b>	<b>1.724.897.672</b>	<b>30.198.679.853</b>

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	2.861.449.280	1.358.834.541
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	1.304.330.919	1.922.283.532
Công ty CP Bán đồ & Tranh ảnh Giáo dục	954.266.777	279.082.896
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	934.308.392	524.353.299
Công ty CP Sách - TBGD Miền Trung	485.248.001	222.267.002
Các đối tượng khác	42.173.740.930	24.997.779.726
<b>Cộng</b>	<b>48.713.344.299</b>	<b>29.304.600.996</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Trong đó: phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Giáo Dục An Đông	Công ty con	275.896.460	301.134.312
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Công ty liên kết	2.861.449.280	1.358.834.541
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư	1.304.330.919	1.922.283.532
Công ty CP Bán đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư	954.266.777	279.082.896
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư	71.808.909	75.374.900
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	934.308.392	524.353.299
Công ty CP Sách - TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	485.248.001	222.267.002
Các đối tượng khác		-	2.773.156.665
<b>Cộng</b>		<b>6.887.308.738</b>	<b>7.456.487.147</b>

**7. Trả trước cho người bán**

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Sách TBGD Miền Nam	458.286.546	-
Công ty CP Học Liệu	16.548.000	-
Các đối tượng khác	1.398.866.028	1.072.801.201
<b>Cộng</b>	<b>1.873.700.574</b>	<b>1.072.801.201</b>

**Trong đó: trả trước cho người bán là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Sách TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	458.286.546	-
Công ty CP Học Liệu	Chung Công ty đầu tư	16.548.000	-
<b>Cộng</b>		<b>474.834.546</b>	<b>-</b>

**8. Phải thu về cho vay**

**a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	10.000.000.000	-
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	3.000.000.000	-
DNTN Nhựa Tiến Vinh	400.000.000	550.000.000
Ông Trần Tuấn Kiệt	9.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.409.000.000</b>	<b>550.000.000</b>

Đối tượng vay	Hợp đồng	Ngày vay	kỳ hạn	Lãi suất
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	01/2015	07/05/2015	6 tháng	8%/năm
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	17/T4/STB	13/04/2015	6 tháng	8,4%/năm
DNTN Nhựa Tiến Vinh	27/T10/STB	05/10/2013	24 tháng	10%/năm
Ông Trần Tuấn Kiệt	09/T05/STB	23/05/2013	36 tháng	11%/năm



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Phải thu về cho vay dài hạn		30/06/2015	31/12/2014
Ông Nguyễn Tuấn Thanh		28.000.000	37.000.000
DNTN Nhựa Tiến Vinh		-	15.000.000
Ông Trần Tuấn Kiệt		-	-
<b>Cộng</b>		<b>28.000.000</b>	<b>52.000.000</b>

c. Phải thu các bên liên quan về cho vay		30/06/2015	31/12/2014
Mối quan hệ			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư	10.000.000.000	-
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Công ty liên kết	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>13.000.000.000</b>	<b>-</b>

9. Phải thu ngắn hạn khác		30/06/2015		31/12/2014	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về lãi cho vay		179.878.889	-	-	-
Công ty TNHH MTV NXB Giáo Dục Việt Nam		122.222.222	-	-	-
Công ty CP Sách và TBGD Tây Ninh		54.600.000	-	-	-
DNTN Nhựa Tiến Vinh		3.056.667	-	-	-
Lãi dự thu		64.956	-	24.342.852	-
Công ty TNHH MTV NXB Giáo Dục Việt Nam		507.440.000	-	-	-
Tạm ứng		257.322.610	-	20.774.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		25.000.000	-	25.000.000	-
Phải thu về thuế TNCN		440.300	-	335.300	-
Phải thu khác		1.400.000	-	18.785.379	-
<b>Cộng</b>		<b>971.546.755</b>	<b>-</b>	<b>89.237.531</b>	<b>-</b>

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		30/06/2015	31/12/2014
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		(135.489.362)	(288.116.031)
- Trên 3 năm		(26.000.000)	(33.000.000)
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm		(109.489.362)	(176.985.936)
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm		-	(78.130.095)
<b>Cộng</b>		<b>(135.489.362)</b>	<b>(288.116.031)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. Hàng tồn kho**

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.735.729.776	-	5.499.430.567	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	21.009.144	-
Chi phí SX, KD dở dang	3.295.116.214	-	2.399.331.615	-
Thành phẩm	10.126.828.720	-	8.700.395.230	-
Hàng hóa	28.907.433.481	(80.402.833)	16.889.585.171	(56.852.122)
<b>Cộng</b>	<b>48.065.108.191</b>	<b>(80.402.833)</b>	<b>33.509.751.727</b>	<b>(56.852.122)</b>

Giá trị Hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 30/06/2015: 160.805.666 đồng;

Tại thời điểm 30/06/2015 không có hàng tồn kho cầm cố, thế chấp các khoản vay.

**12. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	117.816.494	116.388.993
Chi phí trả trước khác	36.123.161	26.683.457
<b>Cộng</b>	<b>153.939.655</b>	<b>143.072.450</b>

**b. Dài hạn**

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	513.428.661	428.170.862
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	353.020.708	198.276.725
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị	529.781.263	1.246.437.775
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	300.825.841	112.209.950
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.861.171.863	7.955.884.779
Sửa chữa Cửa hàng Bình Thạnh	79.656.195	130.571.882
Chi phí khác	41.246.054	57.286.306
<b>Cộng</b>	<b>9.679.130.584</b>	<b>10.128.838.279</b>

(\*) Thuê 20.600 m<sup>2</sup> đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phiếu vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	26.265.197.761	10.360.330.241	1.934.399.524	701.376.097	39.261.303.623
Mua sắm trong kỳ	-	629.896.000	608.854.545	-	1.238.750.545
T/ly, nhượng bán	-	1.796.355.826	314.908.887	-	2.111.264.713
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>26.265.197.761</b>	<b>9.193.870.415</b>	<b>2.228.345.182</b>	<b>701.376.097</b>	<b>38.388.789.455</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	6.784.212.376	5.770.016.091	720.330.535	387.890.473	13.662.449.475
Khấu hao trong kỳ	348.783.964	608.362.074	142.205.823	51.916.073	1.151.267.934
T/ly, nhượng bán	-	1.796.355.826	314.908.887	-	2.111.264.713
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.132.996.340</b>	<b>4.582.022.339</b>	<b>547.627.471</b>	<b>439.806.546</b>	<b>12.702.452.696</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	19.480.985.385	4.590.314.150	1.214.068.989	313.485.624	25.598.854.148
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.132.201.421</b>	<b>4.611.848.076</b>	<b>1.680.717.711</b>	<b>261.569.551</b>	<b>25.686.336.759</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 12.700.573.899 đồng.  
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 2.103.378.343 đồng.

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2015	31/12/2014
Xây dựng nhà máy Bình Dương	635.893.818	158.109.090
Sửa chữa 223 Nguyễn Tri Phương	54.545.454	190.909.092
Sửa chữa 780 Nguyễn Kiệm	960.238.774	681.818.182
Chi phí thiết kế 104/5 Mai Thị Lựu	1.363.636.364	
<b>Cộng</b>	<b>3.014.314.410</b>	<b>1.030.836.364</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**15. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2015				31/12/2014			
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng
Đầu tư vào Công ty con					2.760.000.000	-	2.760.000.000	-
- Công ty CP Giáo dục An Đông	Đang hoạt động	52,77%	52,77%	276.000	2.760.000.000	-	2.760.000.000	-
Đầu tư vào Cty liên kết					2.195.000.000	-	2.195.000.000	-
- Công ty CP Sách và TBGD Tây Ninh	Đang hoạt động	35,02%	35,02%	21.920	2.195.000.000	-	2.195.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác					490.000.000	-	490.000.000	-
- Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	Đang hoạt động	4,77%	4,77%	49.000	490.000.000	-	490.000.000	-
<b>Cộng</b>					<b>5.445.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.445.000.000</b>	<b>-</b>

- Công ty đã nhận được báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của CP Giáo dục An Đông, Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định và Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tây Ninh với vốn chủ sở hữu được báo toán. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

- Do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

(S/ A 10/B)



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các giao dịch trọng yếu với công ty con, công ty liên kết trong kỳ

Giao dịch		6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Công ty CP Giáo dục An Đông	Bán hàng	734.778.461	2.055.319.364
	Có tức được chia	276.000.000	276.000.000
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Bán hàng	1.430.439.421	27.493.550
	Cho vay	3.000.000.000	-

#### 16. Phải trả người bán

##### a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách Giáo Dục TP HCM	146.189.517	166.460.762
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	2.988.466.045	284.911.500
Chi nhánh NXBGD tại Đà Nẵng	167.028.994	167.028.994
Cty CP Đầu Tư PTGD Đà Nẵng	132.308.000	-
CTY CP DV XBGD Gia Định	2.196.699.700	1.975.449.700
Các đối tượng khác	14.998.941.272	9.997.001.659
<b>Cộng</b>	<b>20.629.633.528</b>	<b>12.590.852.615</b>

##### b. Phải trả người bán là các bên liên quan

Mối quan hệ		30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách Giáo Dục TP HCM	Chung Công ty đầu tư	146.189.517	166.460.762
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	2.988.466.045	284.911.500
Chi nhánh NXBGD tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư	167.028.994	167.028.994
Cty CP Đầu Tư PTGD Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư	132.308.000	-
CTY CP Sách Dân Tộc	Chung Công ty đầu tư	42.693.420	10.207.780
CTY CP DV XBGD Gia Định	Công ty nhận đầu tư	2.196.699.700	1.975.449.700
Các đối tượng khác		514.200	108.900
<b>Cộng</b>		<b>5.673.899.876</b>	<b>2.604.167.636</b>

#### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	174.331.761	(268.734.129)	421.409.044	(515.811.412)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	76.861.041	841.045.568	438.793.180	479.113.429
Thuế thu nhập cá nhân	73.904.628	257.793.898	522.678.874	(190.980.348)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.916.799.294	1.916.799.294	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>325.097.430</b>	<b>2.755.904.631</b>	<b>3.308.680.392</b>	<b>(227.678.331)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2015	31/12/2014
Trích trước CP CKTT nhanh, hoa hồng môi giới	108.685.977	551.222.833
Trích trước lãi vay	18.499.658	-
Các khoản trích trước khác	-	65.000.000
<b>Cộng</b>	<b>127.185.635</b>	<b>616.222.833</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2015	31/12/2014
Kinh phí công đoàn	-	297.054.649
Phải trả về cổ phần hoá	-	723.771.000
Cổ tức phải trả	248.427.557	3.724.718.157
Các khoản phải trả khác	142.328.735	219.836.059
- Thủ lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	122.306.472	117.306.472
- Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	-	13.597.037
- Phải trả khác	20.022.263	86.932.550
<b>Cộng</b>	<b>390.756.291</b>	<b>4.965.379.865</b>

**20. Vay và nợ thuế tài chính**

**a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	14.367.000.000	50.000.000.000	29.300.000.000	35.067.000.000
- Vay cá nhân	14.367.000.000	-	-	14.367.000.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	-	35.000.000.000	14.300.000.000	20.700.000.000
- NH TMCP Công thương CN 5	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	71.400.000	-	71.400.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	-	71.400.000	-	71.400.000
<b>Cộng</b>	<b>14.367.000.000</b>	<b>50.071.400.000</b>	<b>29.300.000.000</b>	<b>35.138.400.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	-	357.000.000	-	357.000.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	-	357.000.000	-	357.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>357.000.000</b>	<b>-</b>	<b>357.000.000</b>
<b>Trong đó:</b>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-	-	-	71.400.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>285.600.000</b>

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây theo hợp đồng vay số 066C15 ngày 02/06/2015. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, mục đích vay: đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Isuzu. Lãi suất cho vay năm đầu tiên 7,22%, các năm tiếp theo theo lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả tính đến 30/06/2016: 71.400.000 đồng.

**21. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Tặng ưu vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Ợợy đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	56.655.300.000	12.325.320.000	3.645.310.107	(3.275.267.777)	15.006.349.853	442.970.765
Tăng trong năm	-	1.436.376.224	676.019.801	-	1.402.059.725	13.520.396.022
Giảm trong năm	-	-	-	(3.275.267.777)	-	13.449.367.209
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>13.761.696.224</b>	<b>4.321.329.908</b>	<b>-</b>	<b>16.408.409.578</b>	<b>513.599.578</b>
Số dư tại 01/01/2015	56.655.300.000	13.761.696.224	4.321.329.908	-	16.408.409.578	513.599.578
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	723.771.000	5.535.984.806
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2015</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>13.761.696.224</b>	<b>4.321.329.908</b>	<b>-</b>	<b>17.132.180.578</b>	<b>6.049.984.384</b>

**b. Cổ phiếu**

	30/06/2015 Cổ phiếu	31/12/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu phổ thông	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu phổ thông	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	30/06/2015	31/12/2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	513.999.578	442.970.765
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	5.535.984.806	13.520.396.022
Phân phối lợi nhuận	-	13.449.367.209
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này		13.449.367.209
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.352.039.602
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn	-	676.019.801
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	3.380.099.005
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	676.019.801
- Chia cổ tức	-	7.365.189.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>6.049.984.384</b>	<b>513.999.578</b>

**22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**a. Ngoại tệ các loại**

	30/06/2015	31/12/2014
Ngoại tệ (USD)	1.501,62	9.309,60

**b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Viên Khang	58.916.000	Không còn khả năng thu hồi
Công ty Phúc Cường	21.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Nhà sách Tân Sơn Nhì	18.497.740	Không còn khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	164.052.785	Không còn khả năng thu hồi

**23. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	61.749.431.970	56.656.857.681
Doanh thu thiết bị giáo dục	58.982.996.638	49.165.806.783
Doanh thu khác	649.009.084	648.008.176
<b>Cộng</b>	<b>121.381.437.692</b>	<b>106.470.672.640</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Trong đó: doanh thu bán hàng cho các bên liên quan

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	
Công ty Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	2.216.192.883	1.645.685.063
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư	1.265.104.942	1.462.055.258
Công ty CP Giáo Dục An Đông	Công ty con	734.778.461	2.055.319.364
Công ty CP Sách- TBGD Tây Ninh	Công ty liên kết	1.430.439.421	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	1.052.841.155	849.957.480
Công ty CP Sách- TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	1.058.529.012	283.506.330
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư	2.151.990.144	1.985.251.348
Các đối tượng khác		249.328.520	422.428.492
<b>Cộng</b>		<b>10.159.204.538</b>	<b>8.704.203.335</b>

### 24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Hàng bán bị trả lại	666.215.161	442.076.298
<b>Cộng</b>	<b>666.215.161</b>	<b>442.076.298</b>

### 25. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Giá vốn sách và sản phẩm in	53.630.457.493	49.761.442.906
Giá vốn thiết bị giáo dục	43.184.112.209	37.529.219.791
Giá vốn khác	471.800.684	151.961.861
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	23.550.711	(106.581.322)
<b>Cộng</b>	<b>97.309.921.097</b>	<b>87.336.043.236</b>

### 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	484.047.164	717.255.678
Cổ tức, lợi nhuận được chia	334.800.000	370.392.904
Chiết khấu thanh toán nhận được	132.753.713	179.212.793
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.474.037	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	130.567
<b>Cộng</b>	<b>953.074.914</b>	<b>1.266.991.942</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 27. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền vay	1.259.656.618	1.110.016.713
Chiết khấu thanh toán nhanh	504.545.114	867.371.073
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	89.488	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	430.123.739
<b>Cộng</b>	<b>1.764.291.220</b>	<b>2.407.511.525</b>

### 28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tiền lương, các khoản trích theo lương	6.300.967.836	6.582.130.247
Khấu hao TSCĐ	62.748.220	9.249.992
Chi phí vận chuyển	937.330.607	790.262.133
Tiền thuê đất	1.569.632.400	722.057.490
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	525.731.874	122.228.447
Các khoản khác	1.171.380.597	1.094.680.529
<b>Cộng</b>	<b>10.567.791.534</b>	<b>9.320.608.838</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tiền lương, trích theo lương	4.675.904.937	4.255.261.205
Khấu hao TSCĐ	231.547.678	311.984.799
Thù lao HDQT	229.800.000	361.543.184
Tiền thuê đất	140.474.166	162.219.404
Các khoản khác	1.589.354.642	1.965.723.155
<b>Cộng</b>	<b>6.867.081.423</b>	<b>7.056.731.747</b>

### 29. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	748.832.729	296.736.365
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	-	4.975.038.384
Xử lý chênh lệch tỷ giá kiểm kê hàng tồn kho	92.339.423	85.659.851
Thanh lý vật tư, hàng hóa kém chất lượng	2.620.000	3.825.636
Kinh phí công đoàn trích thừa của các năm trước	297.054.649	-
Các khoản khác	160.692.490	4.218.315
<b>Cộng</b>	<b>1.301.539.291</b>	<b>5.365.478.551</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. Chi phí khác**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Giá trị vật tư, hàng hóa kém chất lượng đã thanh lý	57.621.211	117.476.651
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	26.058.950	34.361.400
Các khoản khác	40.927	42.361.145
<b>Cộng</b>	<b>83.721.088</b>	<b>194.199.196</b>

**31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.377.030.374	6.345.972.293
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	4.314.295.570	1.559.071.489
- Hoạt động không được ưu đãi	2.062.734.804	(188.137.580)
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	4.975.038.384
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(200.843.845)	(280.629.198)
Điều chỉnh tăng	133.956.155	89.894.273
- Chi phí không được trừ	133.866.667	89.894.273
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	89.488	-
Điều chỉnh giảm	334.800.000	370.523.471
- Cổ tức lợi nhuận được chia	334.800.000	370.392.904
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	130.567
Tổng thu nhập chịu thuế	6.176.186.529	6.065.343.095
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	4.314.295.570	1.090.304.711
- Hoạt động không được ưu đãi	1.861.890.958	-
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	4.975.038.384
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	841.045.568	1.203.538.915
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa (10%)	431.429.557	109.030.471
- Hoạt động không được ưu đãi	409.616.011	-
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	1.094.508.444
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>841.045.568</b>	<b>1.203.538.915</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	841.045.568	1.203.538.915

0010  
 CÔNG  
 T. N.  
 QUẢN  
 LÝ

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### 32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.290.755.019	17.444.783.378
Chi phí nhân công	13.393.669.442	13.123.297.470
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.151.267.934	847.636.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.841.531.767	5.262.559.066
Chi phí khác bằng tiền	2.665.954.629	3.641.245.996
<b>Cộng</b>	<b>43.343.178.791</b>	<b>40.319.522.540</b>

#### 33. Thông tin về các bên liên quan

##### a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Giáo dục An Đông	Công ty con
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Công ty liên kết
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư

##### b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	
<b>Mua hàng</b>			
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	phí quản lý, tem	3.936.300	8.364.600
Công ty Sách TBGD Miền Nam	Cung ứng sách GK, bì	37.334.072.722	33.144.925.222
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Cung ứng sách T.Khảo	324.812.815	337.370.587
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	67.032.000	73.800.000
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	Cung ứng TBGD	9.280.000	40.766.864
Công ty ĐT và PT DG Phương Nam	Cung ứng sách T.Khảo	19.409.076.455	17.415.119.210
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Cung ứng bản đồ	1.516.869.928	1.739.477.887
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Cho vay	10.000.000.000	-
	Lãi cho vay	122.222.222	-
Hội đồng quản trị	Thù lao	224.800.000	289.079.000
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	1.418.071.900	1.237.844.300



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Khoản mục	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Phải thu về lãi cho vay	122.222.222	-
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Phải thu về lãi cho vay	54.600.000	-

### 34. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	30/06/2015	31/12/2014
	USD	USD
Tài sản tài chính (tiền gửi ngân hàng)	1.501,62	9.309,60

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	20.629.633.528	-	20.629.633.528
Chi phí phải trả	127.185.635	-	127.185.635
Vay và nợ thuê tài chính	35.138.400.000	285.600.000	35.424.000.000
Phải trả khác	390.756.292	-	390.756.292
<b>Cộng</b>	<b>56.285.975.455</b>	<b>285.600.000</b>	<b>56.571.575.455</b>
31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	12.590.852.615	-	12.590.852.615
Chi phí phải trả	616.222.833	-	616.222.833
Vay và nợ thuê tài chính	14.367.000.000	-	14.367.000.000
Phải trả khác	4.668.325.216	-	4.668.325.216
<b>Cộng</b>	<b>32.242.400.664</b>	<b>-</b>	<b>32.242.400.664</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.724.897.672	-	1.724.897.672
Phải thu khách hàng	48.577.854.937	-	48.577.854.937
Phải thu về cho vay	13.409.000.000	28.000.000	13.437.000.000
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	714.224.145	-	714.224.145
<b>Cộng</b>	<b>64.425.976.754</b>	<b>518.000.000</b>	<b>64.943.976.754</b>



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.198.679.853	-	30.198.679.853
Phải thu khách hàng	29.016.484.965	-	29.016.484.965
Phải thu về cho vay	-	602.000.000	602.000.000
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	68.463.531	-	68.463.531
<b>Cộng</b>	<b>59.283.628.349</b>	<b>1.092.000.000</b>	<b>60.375.628.349</b>

#### 35. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 30/06/2015, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 9241/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 08/12/2005 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m<sup>2</sup> đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTD/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.600 m<sup>2</sup> đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m<sup>2</sup> đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc - nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m<sup>2</sup> đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m<sup>2</sup> đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

#### 36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014. Các báo cáo tài chính này đã được

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

kiểm toán và soát xét bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập BCTC tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.



Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh